

--❖--

Thanh Hóa, ngày 14 tháng 8 năm 2026

Kính gửi:

- Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước
- Sở Giao Dịch Chứng Khoán Hà Nội

1. Tên công ty : **Công ty CP Thanh Hoa - Sông Đà**
2. Mã Chứng khoán : **THS**
3. Địa chỉ trụ sở : 25 Đại Lộ Lê Lợi - Phường Hạc Thành - Tỉnh Thanh Hóa
4. Điện Thoại : 02373 724 892 Fax: 02373 855 750
5. Người đại diện công bố thông tin: **Vũ Thị Lý**
6. **Nội dung của thông tin công bố:**
- Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026 đã được soát xét.
7. Địa chỉ Website đăng tải toàn bộ thông tin: *<http://thanhhoasongda.com.vn>*

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung thông tin công bố.

Nơi nhận:

- Như trên
- Lưu

TỔNG GIÁM ĐỐC CÔNG TY



Vũ Thị Lý



AUDIT AND ASSURANCE

CÔNG TY CỔ PHẦN THANH HOA - SÔNG ĐÀ

Báo cáo tài chính giữa niên độ
cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc tại ngày 30 tháng 6 năm 2026
đã được soát xét

CÔNG TY CỔ PHẦN THANH HOA – SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Số 25 Đại lộ Lê Lợi, phường Hạc Thành, tỉnh Thanh Hoá

MỤC LỤC

NỘI DUNG	TRANG
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	03 – 04
BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	05
BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT	
Báo cáo tình hình tài chính giữa niên độ	06 – 08
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ	09
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ	10 – 11
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ	12 – 43

CÔNG TY CỔ PHẦN THANH HOA – SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Số 25 Đại lộ Lê Lợi, phường Hạc Thành, tỉnh Thanh Hoá

Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Thanh Hoa - Sông Đà (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc tại ngày 30 tháng 6 năm 2026.

Khái quát về Công ty

Công ty Cổ phần Thanh Hoa - Sông Đà được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 2800772376 ngày 19 tháng 5 năm 2004 và các Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thanh Hóa (nay là Sở Tài chính tỉnh Thanh Hóa) cấp.

Hoạt động chính của Công ty là: kinh doanh hàng hóa: Thiết bị điện tử, đồ điện tử, đồ dùng văn phòng, đồ dùng gia đình; cho thuê văn phòng và kinh doanh phòng tập.

Trụ sở chính của Công ty tại số 25 Đại lộ Lê Lợi, phường Hạc Thành, tỉnh Thanh Hóa.

Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban kiểm soát trong kỳ và đến ngày lập báo cáo này như sau:

Hội đồng Quản trị

Ông Lê Anh Tuấn	Chủ tịch	Tái bổ nhiệm ngày 09/4/2026
Bà Vũ Thị Lý	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 09/4/2026
Ông Văn Đình Dũng	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 09/4/2026

Ban Tổng Giám đốc

Bà Vũ Thị Lý	Tổng Giám đốc	Tái bổ nhiệm ngày 09/4/2026
Ông Phạm Văn Lợi	Phó Tổng Giám đốc	Tái bổ nhiệm ngày 09/4/2026
Ông Nguyễn Văn Minh	Phó Tổng Giám đốc	Tái bổ nhiệm ngày 09/4/2026

Ban Kiểm soát

Bà Cao Thị Hiền	Trưởng ban	Tái bổ nhiệm ngày 09/4/2026
Bà Lê Thị Phương	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 09/4/2026
Ông Nguyễn Quang Long	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 09/4/2026

Người đại diện theo pháp luật trong kỳ và đến ngày lập báo cáo này

Bà Vũ Thị Lý	Tổng Giám đốc
--------------	---------------

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán NVA – Chi nhánh phía Bắc đã thực hiện soát xét Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc tại ngày 30 tháng 6 năm 2026 của Công ty.

Công bố trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc đối với Báo cáo tài chính

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;

CÔNG TY CỔ PHẦN THANH HOA – SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Số 25 Đại lộ Lê Lợi, phường Hạc Thành, tỉnh Thanh Hoá

Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc (tiếp theo)

- Lập các Báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty phê chuẩn và cam kết rằng Báo cáo tài chính đính kèm đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 30/6/2026, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



Vũ Thị Lý

Tổng Giám đốc

Thanh Hóa, ngày 14 tháng 8 năm 2026

Số: 18.06.1.1/26/BCTC/NVA.CNPB

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi: **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN THANH HOA - SÔNG ĐÀ**

Chúng tôi đã soát xét Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Thanh Hoa - Sông Đà, được lập ngày 14 tháng 8 năm 2026, từ trang 06 đến trang 43, bao gồm Báo cáo tình hình tài chính tại ngày 30/6/2026, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của đơn vị tại ngày 30 tháng 6 năm 2026, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của đơn vị cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

**Công ty TNHH Kiểm toán NVA
- Chi nhánh phía Bắc**

Giám đốc



Phạm Văn Cường

Số giấy CNĐKHN Kiểm toán: 2922-2024-152-1

Hà Nội, ngày 14 tháng 8 năm 2026

CÔNG TY CỔ PHẦN THANH HOA – SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Số 25 Đại lộ Lê Lợi, phường Hạc Thành, tỉnh Thanh Hoá

BÁO CÁO TÀI CHÍNH**Báo cáo tình hình tài chính giữa niên độ****BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2026

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ VND	Số đầu năm VND (Trình bày lại)
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		175.572.643.126	127.107.144.960
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.01	1.224.061.269	3.644.631.867
1. Tiền	111		1.224.061.269	3.644.631.867
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	V.02	78.677.950.685	43.650.000.000
1. Chứng khoán kinh doanh	121		43.650.000.000	43.650.000.000
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh (*)	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn	123		35.027.950.685	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		21.679.160.029	14.058.839.300
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.03	12.542.528.395	7.245.434.723
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.04	4.380.894.868	3.684.809.120
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu ngắn hạn khác	135	V.05	5.276.884.218	3.633.917.909
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	136	V.06	(521.147.452)	(505.322.452)
7. Tài sản thiếu chờ xử lý	137		-	-
IV. Hàng tồn kho	140	V.07	72.208.992.495	64.759.583.086
1. Hàng tồn kho	141		74.685.715.917	65.268.638.268
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	142		(2.476.723.422)	(509.055.182)
VI. Tài sản ngắn hạn khác	160		1.782.478.648	994.090.707
1. Chi phí chờ phân bổ ngắn hạn	161	V.08	183.210.713	285.573.501
2. Thuế GTGT được khấu trừ	162		1.592.219.960	701.469.231
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	163	V.17	7.047.975	7.047.975
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	164		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	165		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN THANH HOA – SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Số 25 Đại lộ Lê Lợi, phường Hạc Thành, tỉnh Thanh Hoá

BÁO CÁO TÀI CHÍNH**Báo cáo tình hình tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ VND	Số đầu năm VND (Trình bày lại)
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		29.856.519.230	32.036.059.115
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211	V.03	-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212	V.04	-	-
5. Phải thu dài hạn khác	215	V.05	-	-
6. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	216	V.06	-	-
II. Tài sản cố định	220		7.933.727.932	9.010.095.703
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.10	7.933.727.932	9.010.095.703
- Nguyên giá	222		31.535.123.109	31.535.123.109
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(23.601.395.177)	(22.525.027.406)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227		-	-
- Nguyên giá	228		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		-	-
IV. Bất động sản đầu tư	240	V.11	15.127.526.400	16.276.887.468
- Nguyên giá	241		28.968.556.645	28.968.556.645
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	242		(13.841.030.245)	(12.691.669.177)
V. Tài sản dở dang dài hạn	250		4.904.556.711	4.685.818.182
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	251		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	252	V.09	4.904.556.711	4.685.818.182
VI. Đầu tư tài chính dài hạn	260		-	-
VII. Tài sản dài hạn khác	270		1.890.708.187	2.063.257.762
1. Chi phí chờ phân bổ dài hạn	271	V.08	1.182.163.791	1.729.106.132
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	272	V.20	708.544.396	334.151.630
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	273		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	274		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	280		205.429.162.356	159.143.204.075

CÔNG TY CỔ PHẦN THANH HOA – SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Số 25 Đại lộ Lê Lợi, phường Hạc Thành, tỉnh Thanh Hoá

BÁO CÁO TÀI CHÍNH**Báo cáo tình hình tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ VND	Số đầu năm VND (Trình bày lại)
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		169.444.705.472	121.484.539.055
I. Nợ ngắn hạn	310		168.808.021.472	120.847.855.055
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.13	47.069.556.170	13.652.927.493
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.14	248.827.865	117.020.000
3. Phải trả cổ tức, lợi nhuận	313	V.15	92.160.175	83.768.175
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước ngắn hạn	314	V.17	498.998.167	411.998.821
5. Phải trả người lao động	315		777.232.893	1.034.684.407
6. Chi phí phải trả ngắn hạn	316	V.16	132.550.962	-
9. Doanh thu chờ phân bổ ngắn hạn	319	V.19	215.813.261	277.012.518
10. Phải trả ngắn hạn khác	320	V.18	283.528.133	215.638.505
11. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	321	V.12	119.489.353.846	105.054.805.136
II. Nợ dài hạn	330		636.684.000	636.684.000
8. Phải trả dài hạn khác	338	V.18	636.684.000	636.684.000
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		35.984.456.884	37.658.665.020
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	V.21	30.000.000.000	30.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		30.000.000.000	30.000.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
5. Cổ phiếu mua lại của chính mình (*)	415		(2.162.020.000)	(2.162.020.000)
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		7.660.685.020	9.311.842.972
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		485.791.864	508.842.048
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	420a		-	-
- LNST chưa phân phối kỳ này	420b		485.791.864	508.842.048
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		205.429.162.356	159.143.204.075

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc



Hoàng Thị Tâm

Hoàng Thị An

Vũ Thị Lý

Thanh Hóa, ngày 14 tháng 8 năm 2026

CÔNG TY CỔ PHẦN THANH HOA – SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Số 25 Đại lộ Lê Lợi, phường Hạc Thành, tỉnh Thanh Hoá

BÁO CÁO TÀI CHÍNH**Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ****BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ**

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2026 đến 30/6/2026 VND	Từ 01/01/2025 đến 30/6/2025 VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	1	VI.01	299.312.141.005	198.282.932.037
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	2	VI.02	1.360.675	635.873
3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		299.310.780.330	198.282.296.164
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.03	287.561.842.051	189.178.464.622
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		11.748.938.279	9.103.831.542
6. Lãi/lỗ của hoạt động bán, thanh lý bất động sản đầu tư	21		-	-
7. Doanh thu hoạt động tài chính	22	VI.04	993.221.211	670.996.087
8. Chi phí tài chính	23	VI.05	3.928.910.119	1.940.537.818
Trong đó: Chi phí đi vay	24		3.928.910.119	1.940.537.818
9. Chi phí bán hàng	25	VI.08	5.069.250.649	4.782.432.919
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.09	3.304.213.628	2.805.804.795
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		439.785.094	246.052.097
12. Thu nhập khác	31	VI.06	826.832.019	824.161.190
13. Chi phí khác	32	VI.07	656.930.388	506.314.638
14. Lợi nhuận khác	40		169.901.631	317.846.552
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		609.686.725	563.898.649
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.10	498.287.627	115.006.932
17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	VI.11	(374.392.766)	-
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		485.791.864	448.891.717
19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.12	180	166
20. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.12	180	166

Người lập biểu



Hoàng Thị Tâm

Kế toán trưởng



Hoàng Thị An



Vũ Thị Lý

Thanh Hóa, ngày 14 tháng 8 năm 2026

CÔNG TY CỔ PHẦN THANH HOA – SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Số 25 Đại lộ Lê Lợi, phường Hạc Thành, tỉnh Thanh Hoá

BÁO CÁO TÀI CHÍNH**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ****BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ**

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc tại ngày 30 tháng 6 năm 2026

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2026 đến 30/6/2026 VND	Từ 01/01/2025 đến 30/6/2025 VND (Trình bày lại)
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		609.686.725	563.898.649
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02		2.225.728.839	1.621.365.979
- Các khoản dự phòng	03		1.983.493.240	399.835.309
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		-	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư, tài chính	05		(110.412.671)	-
- Chi phí đi vay	06		3.928.910.119	1.940.537.818
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		8.637.406.252	4.525.637.755
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(8.663.173.001)	1.653.985.759
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(9.417.077.649)	(22.732.838.762)
- Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		33.413.155.937	24.418.170.942
- Tăng, giảm chi phí chờ phân bổ	12		649.305.129	(484.529.402)
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	(35.100.000.000)
- Chi phí đi vay đã trả	14		(3.855.062.861)	(1.878.761.460)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(468.065.115)	(43.307.549)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		20.296.488.692	(29.641.642.717)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		-	(436.816.354)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		-	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(35.000.000.000)	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(35.000.000.000)	(436.816.354)

CÔNG TY CỔ PHẦN THANH HOA – SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Số 25 Đại lộ Lê Lợi, phường Hạc Thành, tỉnh Thanh Hoá

BÁO CÁO TÀI CHÍNH**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ (tiếp theo)**

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2026 đến 30/6/2026 VND	Từ 01/01/2025 đến 30/6/2025 VND (Trình bày lại)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu đã phát hành	32		-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33		277.248.619.192	165.046.570.181
4. Tiền trả nợ gốc vay	34		(262.814.070.482)	(132.244.711.997)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(2.151.608.000)	(2.153.293.960)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		12.282.940.710	30.648.564.224
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		(2.420.570.598)	570.105.153
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		3.644.631.867	5.064.537.259
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70		1.224.061.269	5.634.642.412

Người lập biểu



Hoàng Thị Tâm

Thanh Hóa, ngày 14 tháng 8 năm 2026

Kế toán trưởng



Hoàng Thị An

Tổng Giám đốc



Vũ Thị Lý

CÔNG TY CỔ PHẦN THANH HOA – SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Số 25 Đại lộ Lê Lợi, phường Hạc Thành, tỉnh Thanh Hoá

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Bản thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1. Hình thức sở hữu vốn

Là Công ty Cổ phần

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là thương mại (bán đồ điện tử, đồ gia dụng, thiết bị văn phòng,...), kinh doanh bất động sản (cho thuê văn phòng) và cung cấp dịch vụ.

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động chính của Công ty trong kỳ kế toán kết thúc tại ngày 30 tháng 6 năm 2026 là kinh doanh hàng hóa: Thiết bị điện tử, đồ điện tử, đồ dùng văn phòng, đồ dùng gia đình; cho thuê văn phòng và kinh doanh phòng tập.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

5. Số lượng lao động

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 30/6/2026 là 50 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 là 51 người).

6. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Như đã trình bày tại Thuyết minh III.1, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 Công ty đã áp dụng Thông tư số 99/2025/TT-BTC ngày 27/10/2025 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ kế toán cho doanh nghiệp thay thế Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính. Các quy định của Chế độ kế toán Doanh nghiệp mới này không có ảnh hưởng trọng yếu đến các số liệu của Công ty và Công ty đã trình bày lại số liệu so sánh trên Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2025, do vậy các số liệu tương ứng của năm trước so sánh được với số liệu của năm nay.

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC ("Thông tư 99") hướng dẫn chế độ kế toán cho doanh nghiệp do Bộ Tài chính ban hành ngày 27/10/2025.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

CÔNG TY CỔ PHẦN THANH HOA – SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Số 25 Đại lộ Lê Lợi, phường Hạc Thành, tỉnh Thanh Hoá

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Bản thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền

Các khoản tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi không kỳ hạn.

2. Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính

Chứng khoán kinh doanh;

Khoản đầu tư được phân loại là chứng khoán kinh doanh nắm giữ vì mục đích mua bán lại để kiếm lời.

Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận ban đầu theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh. Các chi phí mua chứng khoán kinh doanh (nếu có) như chi phí môi giới, giao dịch, cung cấp thông tin, thuế, phí ngân hàng,... được hạch toán vào chi phí tài chính trong kỳ.

Thời điểm ghi nhận các khoản chứng khoán kinh doanh là thời điểm nhà đầu tư có quyền sở hữu, cụ thể như sau:

- Chứng khoán niêm yết được ghi nhận tại thời điểm khớp lệnh (T+0);
- Chứng khoán chưa niêm yết được ghi nhận tại thời điểm chính thức có quyền sở hữu theo quy định của pháp luật.

Cổ tức được chia bằng tiền từ chứng khoán kinh doanh vào doanh thu hoạt động tài chính cho giai đoạn sau ngày đầu tư. Khoản cổ tức được chia bằng tiền hoặc các khoản lãi thu bằng tiền cho giai đoạn trước ngày đầu tư được ghi giảm giá trị khoản đầu tư.

Trường hợp nhà đầu tư nhận được thêm cổ phiếu do đơn vị nhận đầu tư là công ty cổ phần sử dụng thặng dư vốn, các quỹ thuộc vốn chủ sở hữu và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối để phát hành thêm cổ phiếu (chia cổ tức bằng cổ phiếu), nhà đầu tư chỉ theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm trên thuyết minh Báo cáo tài chính, không ghi nhận giá trị cổ phiếu được nhận, không ghi nhận doanh thu hoạt động tài chính và không ghi nhận tăng chứng khoán kinh doanh.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn;

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: Các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng,... giấy tờ có giá (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu, chứng chỉ tiền gửi), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi được phân loại là nợ phải trả, các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác hoặc có bản chất tương tự và không bao gồm các công cụ phái sinh.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi sổ kế toán theo giá gốc. Giá gốc được xác định theo giá trị thực tế của các khoản thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.

Các khoản cho vay được ghi nhận là số hiện có của các khoản cho vay theo khế ước giữa các bên nhưng không được giao dịch mua, bán trên thị trường như chứng khoán.

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi các khoản cho vay của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

CÔNG TY CỔ PHẦN THANH HOA – SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Số 25 Đại lộ Lê Lợi, phường Hạc Thành, tỉnh Thanh Hoá

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Bản thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

3. Nguyên tắc kế toán nợ phải thu và phải thu khác

Các khoản phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng, phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến tổn thất có thể xảy ra hoặc không có khả năng thu hồi vào ngày kết thúc kỳ kế toán. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Các khoản phải thu được trình bày ngắn hạn, dài hạn căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu.

4. Nguyên tắc kế toán hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Hàng hóa: Bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho cuối kỳ trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Giá trị hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Đối với dịch vụ cung cấp dở dang, việc lập dự phòng giảm giá được tính theo từng loại dịch vụ có mức giá riêng biệt. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

5. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Doanh nghiệp phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Khấu hao tài sản được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

Loại tài sản	Thời gian khấu hao (năm)	
	Từ 01/01/2026 đến 30/6/2026	Từ 01/01/2025 đến 30/6/2025
Nhà cửa vật kiến trúc	17 - 25	17 - 25
Máy móc thiết bị	03 - 10	03 - 10
Phương tiện vận tải	05 - 10	05 - 10

CÔNG TY CỔ PHẦN THANH HOA – SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Số 25 Đại lộ Lê Lợi, phường Hạc Thành, tỉnh Thanh Hoá

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Bản thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Nguyên giá tài sản cố định và thời gian khấu hao được xác định theo thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài chính về hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định và các quy định khác.

6. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư là quyền sử dụng đất, nhà, một phần của nhà hoặc cơ sở hạ tầng thuộc sở hữu của Công ty hay thuê tài chính được sử dụng nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê hoặc chờ tăng giá. Bất động sản đầu tư được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá của bất động sản đầu tư là toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra hoặc giá trị hợp lý của các khoản đưa ra để trao đổi nhằm có được bất động sản đầu tư tính đến thời điểm mua hoặc xây dựng hoàn thành.

Các chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu được ghi nhận vào chi phí, trừ khi chi phí này có khả năng chắc chắn làm cho bất động sản đầu tư tạo ra lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu thì được ghi tăng nguyên giá.

Khi bất động sản đầu tư được bán, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ nào phát sinh được hạch toán vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Việc chuyển từ bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho thành bất động sản đầu tư chỉ khi chủ sở hữu chấm dứt sử dụng tài sản đó và bắt đầu cho bên khác thuê hoạt động hoặc khi kết thúc giai đoạn xây dựng. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hay hàng tồn kho chỉ khi chủ sở hữu bắt đầu sử dụng tài sản này hoặc bắt đầu triển khai cho mục đích bán. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho không làm thay đổi nguyên giá hay giá trị còn lại của bất động sản tại ngày chuyển đổi.

Bất động sản đầu tư sử dụng để cho thuê được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao của bất động sản đầu tư như sau:

Loại tài sản	Thời gian khấu hao (năm)	
	Từ 01/01/2026 đến 30/6/2026	Từ 01/01/2025 đến 30/6/2025
Nhà	30 – 36	30 – 36

7. Nguyên tắc ghi nhận và phân bổ chi phí chờ phân bổ

Các chi phí chờ phân bổ chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh năm được ghi nhận là chi phí chờ phân bổ ngắn hạn và được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ.

Việc tính và phân bổ chi phí chờ phân bổ dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí chờ phân bổ được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

8. Nguyên tắc ghi nhận nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản nợ phải trả là phải trả người bán và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.

- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

CÔNG TY CỔ PHẦN THANH HOA – SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Số 25 Đại lộ Lê Lợi, phường Hạc Thành, tỉnh Thanh Hoá

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Bản thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

9. Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ thuê tài chính

Công ty phải theo dõi chi tiết kỳ hạn phải trả của các khoản vay, nợ thuê tài chính. Các khoản có thời gian trả nợ hơn 12 tháng kể từ thời điểm lập Báo cáo tài chính, kế toán trình bày là vay và nợ thuê tài chính dài hạn. Các khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng tiếp theo kể từ thời điểm kết thúc kỳ kế toán lập Báo cáo tài chính trình bày là vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn để có kế hoạch chi trả.

Đối với khoản nợ thuê tài chính, tổng số nợ thuê phản ánh vào bên Có của tài khoản 341 là tổng số tiền phải trả được tính bằng giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu hoặc giá trị hợp lý của tài sản thuê.

Các khoản vay, nợ bằng ngoại tệ phải quy đổi ra đơn vị tiền tệ kế toán theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh;

- Khi trả nợ, vay bằng ngoại tệ, bên Nợ tài khoản 341 được quy đổi theo tỷ giá ghi sổ kế toán thực tế đích danh cho từng đối tượng;
- Khi lập Báo cáo tài chính, số dư các khoản vay, nợ thuê tài chính bằng ngoại tệ phải được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm lập Báo cáo tài chính;
- Các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc thanh toán và đánh giá lại cuối kỳ khoản vay, nợ thuê tài chính bằng ngoại tệ được hạch toán vào doanh thu hoặc chi phí hoạt động tài chính.

10. Nguyên tắc ghi nhận phải trả cổ tức, lợi nhuận

Phải trả cổ tức, lợi nhuận được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan số cổ tức, lợi nhuận phải trả (bằng tiền, các tài sản phi tiền tệ) và tình hình thanh toán khoản cổ tức, lợi nhuận phải trả bằng tiền cho các cổ đông, thành viên góp vốn của Công ty.

Thời điểm Công ty ghi nhận khoản phải trả về cổ tức, lợi nhuận là thời điểm doanh nghiệp không có quyền từ chối nghĩa vụ chi trả cổ tức, lợi nhuận cho các cổ đông, thành viên góp vốn của Công ty theo quy định của pháp luật liên quan. Việc xác định thời điểm và việc chi trả cổ tức, lợi nhuận thực hiện như sau:

- Đối với doanh nghiệp thuộc đối tượng điều chỉnh của pháp luật về chứng khoán thì thời điểm bên nhận đầu tư không có quyền từ chối chi trả cổ tức được căn cứ theo quy định của pháp luật về chứng khoán.
- Đối với các doanh nghiệp còn lại thì thời điểm bên nhận đầu tư không có quyền từ chối chi trả cổ tức được căn cứ theo quy định của Luật doanh nghiệp, Điều lệ của doanh nghiệp.

11. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Báo cáo tình hình tài chính của Công ty sau khi có Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên hàng năm, nghị quyết Hội đồng quản trị và thông báo chốt quyền nhận cổ tức của Trung tâm lưu ký chứng khoán được xác lập.

CÔNG TY CỔ PHẦN THANH HOA – SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Số 25 Đại lộ Lê Lợi, phường Hạc Thành, tỉnh Thanh Hoá

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Bản thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

12. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu được ghi nhận khi công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng trước khi ghi nhận doanh thu như sau:

Doanh thu bán hàng hóa

Doanh thu bán hàng hóa được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm, hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa đã mua theo những điều kiện cụ thể thì doanh thu chỉ ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác);
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu hoạt động cho thuê tài sản

Doanh thu cho thuê hoạt động phải được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời hạn cho thuê, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán.

Khoản thanh toán tiền thuê trong tương lai của các hợp đồng thuê hoạt động được theo dõi theo thời gian đã thanh toán.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể thì doanh thu chỉ ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ.
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất thực tế từng kỳ.

Các khoản giảm trừ doanh thu

Khoản mục này dùng để phản ánh các khoản được điều chỉnh giảm trừ vào doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ phát sinh trong kỳ, gồm: Chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Tài khoản này không phản ánh các khoản thuế được giảm trừ vào doanh thu như thuế GTGT đầu ra phải nộp tính theo phương pháp trực tiếp.

CÔNG TY CỔ PHẦN THANH HOA – SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Số 25 Đại lộ Lê Lợi, phường Hạc Thành, tỉnh Thanh Hoá

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Bản thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Việc điều chỉnh giảm doanh thu được thực hiện như sau:

- Khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh;
- Trường hợp sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã tiêu thụ từ các năm trước, đến kỳ sau mới phát sinh chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán hoặc hàng bán bị trả lại thì doanh nghiệp được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc:
 - + Nếu sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã tiêu thụ từ các năm trước, đến kỳ sau phải giảm giá, phải chiết khấu thương mại, bị trả lại nhưng phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính, kế toán phải coi đây là một sự kiện cần điều chỉnh phát sinh sau ngày lập Báo cáo tình hình tài chính và ghi giảm doanh thu, trên Báo cáo tài chính của kỳ lập báo cáo (năm trước).
 - + Trường hợp sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ phải giảm giá, phải chiết khấu thương mại, bị trả lại sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính thì doanh nghiệp ghi giảm doanh thu của kỳ phát sinh (kỳ sau).

13. Nguyên tắc ghi nhận giá vốn

Giá vốn hàng bán được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong kỳ và đảm bảo nguyên tắc thận trọng.

Khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được tính vào giá vốn hàng bán trên cơ sở số lượng hàng tồn kho và phần chênh lệch giữa giá trị thuần có thể thực hiện được nhỏ hơn giá gốc hàng tồn kho. Khi xác định khối lượng hàng tồn kho bị giảm giá cần phải trích lập dự phòng, kế toán phải loại trừ khối lượng hàng tồn kho đã ký được hợp đồng tiêu thụ (có giá trị thuần có thể thực hiện được không thấp hơn giá trị ghi sổ) nhưng chưa chuyển giao cho khách hàng nếu có bằng chứng chắc chắn về việc khách hàng sẽ không từ bỏ thực hiện hợp đồng.

14. Nguyên tắc ghi nhận chi phí tài chính

Phản ánh những khoản chi phí hoạt động tài chính bao gồm các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính, chi phí cho vay và đi vay vốn, chi phí góp vốn liên doanh, liên kết, lỗ chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán; Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...

15. Nguyên tắc ghi nhận chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ, bao gồm các chi phí chào hàng, giới thiệu sản phẩm, quảng cáo sản phẩm, hoa hồng bán hàng, chi phí bảo hành sản phẩm, hàng hoá (trừ hoạt động xây lắp), chi phí bảo quản, đóng gói, vận chuyển,...

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí quản lý chung của doanh nghiệp gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp; tiền thuê đất, thuế môn bài; khoản lập dự phòng phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại, bảo hiểm tài sản, cháy nổ...); chi phí bằng tiền khác (tiếp khách, hội nghị khách hàng...).

16. Nguyên tắc ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động bao gồm Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp trong kỳ hiện hành.

CÔNG TY CỔ PHẦN THANH HOA – SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Số 25 Đại lộ Lê Lợi, phường Hạc Thành, tỉnh Thanh Hoá

BÁO CÁO TÀI CHÍNH**Bản thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

17. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Giao dịch với các bên có liên quan được trình bày ở thuyết minh số VIII.2.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**1. Tiền**

	Số cuối kỳ VND	Số đầu năm VND
Tiền	1.224.061.269	3.644.631.867
Tiền mặt	260.458.435	1.554.574.472
Tiền gửi không kỳ hạn (*)	963.602.834	2.090.057.395
Cộng	1.224.061.269	3.644.631.867

(*) Chi tiết các khoản tiền gửi không kỳ hạn:

	Số cuối kỳ VND	Số đầu năm VND
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Thanh Hóa	521.483.392	1.861.111.723
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh số 3	135.176.645	16.295.351
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Bắc Thanh Hóa	232.455.996	210.601.611
Các ngân hàng khác	74.486.801	2.048.710
Cộng	963.602.834	2.090.057.395

CÔNG TY CỔ PHẦN THANH HOA – SÔNG ĐÀ
Địa chỉ: Số 25 Đại lộ Lê Lợi, phường Hạc Thành, tỉnh Thanh Hoá
BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Bản thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

2. Các khoản đầu tư tài chính
a. Chứng khoán kinh doanh

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND
Tổng giá trị cổ phiếu	43.650.000.000	(*)	43.650.000.000	(*)
+ Công ty Cổ phần Vinatom (**)	43.650.000.000	(*)	43.650.000.000	(*)
Cộng	43.650.000.000	(*)	43.650.000.000	(*)

(*) Công ty chưa có cơ sở đánh giá giá trị hợp lý của cổ phiếu này.

(**) Mua cổ phiếu của Công ty Cổ phần Vinatom theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 03/2025/NQ-ĐHĐCĐ ngày 08 tháng 11 năm 2025 về việc mua cổ phần của Công ty Cổ phần Vinatom với mục đích năm giữ chứng khoán kinh doanh ngắn hạn. Tổng số cổ phiếu Công ty nắm giữ tại ngày 30/6/2026 là 145.000 Cổ phiếu (mệnh giá: 100.000 đồng/Cổ phiếu).

b. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND
b1. Ngắn hạn	35.027.950.685	35.027.950.685	-	-
- Cho vay	35.000.000.000	35.000.000.000	-	-
Công ty TNHH Cơ – Nhiệt – Điện Thành Nam (*)	30.000.000.000	30.000.000.000	-	-
Công ty Cổ phần Vinatom (*)	5.000.000.000	5.000.000.000	-	-
- Lãi dự thu	27.950.685	27.950.685	-	-
Cộng	35.027.950.685	35.027.950.685	-	-

(*) Chi tiết các khoản cho vay ngắn hạn như sau:

Đối tượng	Hợp đồng	Dư nợ cuối kỳ	Lãi dự thu	Thời hạn cho vay (tháng)	Lãi suất cho vay	Hình thức đảm bảo
Công ty TNHH Cơ – Nhiệt – Điện Thành Nam	Hợp đồng số 02/2026-HĐVT ngày 04/06/2026	30.000.000.000	21.786.301	12	8,8% – 9,0%/năm	Tín chấp
Công ty Cổ phần Vinatom	Hợp đồng số 01/2026-HĐVT ngày 04/06/2026	5.000.000.000	6.164.384	12	8,0%/ năm	Tín chấp
Tổng		35.000.000.000	27.950.685			



CÔNG TY CỔ PHẦN THANH HOA – SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Số 25 Đại lộ Lê Lợi, phường Hạc Thành, tỉnh Thanh Hoá
BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Bản thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

3. Phải thu khách hàng

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị ghi sổ VND	Giá trị dự phòng VND	Giá trị ghi sổ VND	Giá trị dự phòng VND
a. Phải thu khách hàng ngắn hạn				
<i>a1. Phải thu khách hàng ngắn hạn là các bên liên quan (Chi tiết tại thuyết minh VIII.2)</i>	-	-	545.060.000	-
<i>a2. Phải thu khách hàng ngắn hạn khác</i>	12.542.528.395	(513.879.652)	6.700.374.723	(498.054.652)
Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Công nghệ số Việt Nam	20.600.000	-	1.159.567.000	-
Heungphat Construction Sole Co., Ltd	1.137.000.000	-	-	-
Phải thu ngắn hạn của khách hàng khác	11.384.928.395	(513.879.652)	5.540.807.723	(498.054.652)
Cộng	12.542.528.395	(513.879.652)	7.245.434.723	(498.054.652)

4. Trả trước cho người bán

	Số cuối kỳ VND	Số đầu năm VND
a. Trả trước cho người bán ngắn hạn		
<i>a1. Trả trước cho người bán ngắn hạn là các bên liên quan (Chi tiết tại thuyết minh VIII.2)</i>	3.609.756.055	1.913.281.998
<i>a2. Trả trước cho người bán ngắn hạn khác</i>	771.138.813	1.771.527.122
Công ty Cổ phần An Việt Sông Hồng Sài Gòn	-	1.113.201.840
Công ty TNHH Điện máy AQUA Việt Nam	450.830.394	117.748.983
Trả trước cho người bán ngắn hạn khác	320.308.419	540.576.299
Cộng	4.380.894.868	3.684.809.120

CÔNG TY CỔ PHẦN THANH HOA – SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Số 25 Đại lộ Lê Lợi, phường Hạc Thành, tỉnh Thanh Hoá
BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Bản thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

5. Phải thu khác**a. Ngắn hạn**

Tạm ứng

Ký quỹ, ký cược ngắn hạn

Phải thu tiền thương doanh số

- Công ty TNHH Điện lạnh Hòa Phát

- Công ty TNHH Điện máy AQUA Việt Nam

- Công ty TNHH Sản xuất - Thương mại - Dịch vụ Qui Phúc

- Công ty TNHH Điều hoà Gree (Việt Nam)

Phải thu khác

Cộng

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị ghi sổ VND	Giá trị dự phòng VND	Giá trị ghi sổ VND	Giá trị dự phòng VND
	4.000.000	-	-	-
	100.000.000	-	-	-
	5.102.884.218	-	3.462.619.280	-
	4.546.852.705	-	2.891.372.890	-
	556.031.513	-	252.201.831	-
	-	-	211.743.723	-
	-	-	107.300.836	-
	70.000.000	(7.267.800)	171.298.629	(7.267.800)
	5.276.884.218	(7.267.800)	3.633.917.909	(7.267.800)

CÔNG TY CỔ PHẦN THANH HOA – SÔNG ĐÀ
Địa chỉ: Số 25 Đại lộ Lê Lợi, phường Hạc Thành, tỉnh Thanh Hoá
BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Bản thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

6. Nợ xấu

	Số cuối kỳ			Giá trị có thể thu hồi VND	Số đầu năm			Giá trị có thể thu hồi VND
	Thời gian quá hạn	Giá gốc VND	Dự phòng VND		Thời gian quá hạn	Giá gốc VND	Dự phòng VND	
Phải thu khách hàng								
- UBND xã Yên Lạc	Trên 3 năm	62.715.000	(62.715.000)	-	Trên 3 năm	62.715.000	(62.715.000)	-
- Ông Lê Văn Anh	Trên 3 năm	4.402.000	(4.402.000)	-	Trên 3 năm	4.402.000	(4.402.000)	-
- Công ty TNHH Toàn Thắng TDT	Trên 3 năm	331.690.000	(331.690.000)	-	Trên 3 năm	331.690.000	(331.690.000)	-
- CH điện tử Trung Kiên	Trên 3 năm	16.100.000	(16.100.000)	-	Trên 3 năm	16.100.000	(16.100.000)	-
- Công ty cổ phần tư vấn xây dựng Châu Long	Trên 3 năm	8.050.000	(8.050.000)	-	Trên 3 năm	8.050.000	(8.050.000)	-
- Công ty TNHH Du lịch & Vận tải Văn Anh	Trên 3 năm	38.172.652	(38.172.652)	-	Trên 3 năm	38.172.652	(38.172.652)	-
- Ông Lê Xuân Đài	Trên 3 năm	52.750.000	(52.750.000)	-	Từ 2 đến 3 năm	52.750.000	(36.925.000)	15.825.000
Phải thu khác								
- Thuế GTGT phải thu Xí nghiệp 2	Trên 3 năm	7.267.800	(7.267.800)	-	Trên 3 năm	7.267.800	(7.267.800)	-
Cộng		521.147.452	(521.147.452)	-		521.147.452	(505.322.452)	15.825.000

7. Hàng tồn kho

	Số cuối kỳ			Số đầu năm		
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị có thể thu hồi VND
Hàng hoá						
- Hàng hóa thương mại	74.685.715.917	(2.476.723.422)		65.268.638.268	(509.055.182)	
- Hàng hóa bất động sản (*)	59.327.775.601	(2.476.723.422)		49.910.697.952	(509.055.182)	
	15.357.940.316	-		15.357.940.316	-	
Cộng	74.685.715.917	(2.476.723.422)		65.268.638.268	(509.055.182)	

(*) Hàng hoá bất động sản là khách sạn Hạc Tráng có địa chỉ tại 171 Thành Thái, phường Thọ Hạc, tỉnh Thanh Hóa. Theo Biên bản họp HĐQT số 77 ngày 31/12/2025 và Quyết định của HĐQT số 78 ngày 31/12/2025, Công ty đã thông qua phương án chào bán bất động sản trong năm 2026.

CÔNG TY CỔ PHẦN THANH HOA – SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Số 25 Đại lộ Lê Lợi, phường Hạc Thành, tỉnh Thanh Hoá

BÁO CÁO TÀI CHÍNH**Bản thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)****8. Chi phí chờ phân bổ**

	Số cuối kỳ VND	Số đầu năm VND
a. Ngắn hạn		
- Chi phí bảo hiểm	18.902.488	50.844.222
- Công cụ dụng cụ xuất dùng	97.708.447	179.385.932
- Chi phí sửa chữa	46.174.778	25.495.198
- Các khoản khác	20.425.000	29.848.149
Cộng	183.210.713	285.573.501
b. Dài hạn		
- Công cụ dụng cụ xuất dùng	1.027.366.202	728.174.708
- Mái chống nóng TTTM 25 Lê Lợi	-	223.741.053
- Chi phí sửa chữa tài sản	-	752.824.751
- Các khoản khác	154.797.589	24.365.620
Cộng	1.182.163.791	1.729.106.132

9. Tài sản dở dang dài hạn

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND
b. Xây dựng cơ bản dở dang	4.904.556.711	(*)	4.685.818.182	(*)
- XD CB	4.904.556.711	(*)	4.685.818.182	(*)
+ Công trình 301 Trần Phú	218.738.529	(*)	-	(*)
+ Sửa chữa văn phòng	185.818.182	(*)	185.818.182	(*)
+ Quyền sử dụng đất tại Phường Điện Biên - Thanh Hoá	4.500.000.000	(*)	4.500.000.000	(*)
Cộng	4.904.556.711	(*)	4.685.818.182	(*)

(*) Công ty chưa đánh giá giá trị có thể thu hồi của các tài sản dở dang dài hạn này.

CÔNG TY CỔ PHẦN THANH HOA – SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Số 25 Đại lộ Lê Lợi, phường Hạc Thành, tỉnh Thanh Hoá
BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Bản thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

10. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Nguyên giá	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Cộng VND
Số dư đầu năm	17.009.246.359	5.726.283.558	8.799.593.192	31.535.123.109
Số tăng trong kỳ	-	-	-	-
- Mua trong kỳ	-	-	-	-
Số dư cuối kỳ	17.009.246.359	5.726.283.558	8.799.593.192	31.535.123.109
Giá trị hao mòn lũy kế				
Số dư đầu năm	10.487.096.202	4.725.914.775	7.312.016.429	22.525.027.406
Số tăng trong kỳ	679.599.921	151.146.630	245.621.220	1.076.367.771
- Khấu hao trong kỳ	679.599.921	151.146.630	245.621.220	1.076.367.771
- Phân loại lại	-	148.961.040	(148.961.040)	-
Số dư cuối kỳ	11.166.696.123	5.026.022.445	7.408.676.609	23.601.395.177
Giá trị còn lại				
Tại ngày đầu năm	6.522.150.157	1.000.368.783	1.487.576.763	9.010.095.703
Tại ngày cuối kỳ	5.842.550.236	700.261.113	1.390.916.583	7.933.727.932

Nguyên giá tài sản cố định hết khấu hao còn sử dụng 13.084.179.785 đồng.

Giá trị còn lại của tài sản cố định dùng thế chấp đảm bảo các khoản vay: 5.002.560.527 đồng.

Chi tiết danh mục các Tài sản cố định hữu hình đang hiện hữu:

Danh mục tài sản	Nguyên giá	Khấu hao lũy kế	Giá trị còn lại
- Tòa nhà 2 tầng Tây Bắc Ga	8.000.000.000	4.333.333.309	3.666.666.691
- Showroom 2 tầng Tây Bắc Ga	3.171.825.934	2.140.982.521	1.030.843.413
- Các tài sản cố định hữu hình khác	20.363.297.175	17.127.079.347	3.236.217.828
Tổng cộng	31.535.123.109	23.601.395.177	7.933.727.932

CÔNG TY CỔ PHẦN THANH HOA – SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Số 25 Đại lộ Lê Lợi, phường Hạc Thành, tỉnh Thanh Hoá

BÁO CÁO TÀI CHÍNH**Bản thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)****11. Tăng, giảm bất động sản đầu tư**

	Số đầu năm VND	Tăng trong kỳ VND	Giảm trong kỳ VND	Số cuối kỳ VND
Nguyên giá	28.968.556.645	-	-	28.968.556.645
Nhà	28.968.556.645	-	-	28.968.556.645
Giá trị hao mòn lũy kế	12.691.669.177	1.149.361.068	-	13.841.030.245
Nhà	12.691.669.177	1.149.361.068	-	13.841.030.245
Giá trị còn lại	16.276.887.468	-	(1.149.361.068)	15.127.526.400
Nhà	16.276.887.468	-	(1.149.361.068)	15.127.526.400

Theo quy định tại Chuẩn mực kế toán số 05 – “Bất động sản đầu tư”, giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư tại ngày 30 tháng 6 năm 2026 cần được trình bày. Công ty hiện chưa xác định được giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư tại ngày 30 tháng 6 năm 2026 để trình bày trên Thuyết minh Báo cáo tài chính do không có giao dịch thị trường nào gần đây cho bất động sản tương tự và nằm cùng địa điểm với bất động sản đầu tư của Công ty.

Giá trị còn lại cuối kỳ của bất động sản đầu tư dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo khoản vay: 15.127.526.400 đồng.

Tại ngày 30/6/2026, không có Bất động sản đầu tư đã hết khấu hao nhưng vẫn đang sử dụng.

Chi tiết danh mục các Bất động sản đầu tư đang hiện hữu:

Danh mục BĐSĐT	Nguyên giá	Khấu hao lũy kế	Giá trị còn lại
- Trung tâm thương mại 25 Lê Lợi	15.488.315.193	8.152.745.606	7.335.569.587
- Cải tạo khuôn viên bên ngoài và trong nhà siêu thị mini 301 Trần Phú	6.885.812.037	1.491.925.942	5.393.886.095
- Siêu thị 301 Trần Phú	5.361.016.967	3.842.062.201	1.518.954.766
- Bất động sản đầu tư khác	1.233.412.448	354.296.496	879.115.952
Tổng cộng	28.968.556.645	13.841.030.245	15.127.526.400

CÔNG TY CỔ PHẦN THANH HOA – SÔNG ĐÀ
Địa chỉ: Số 25 Đại lộ Lê Lợi, phường Hạc Thành, tỉnh Thanh Hóa
BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Bản thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

12. Vay và nợ thuế tài chính

	Số cuối kỳ VND	Trong kỳ		Số đầu năm VND
		Tăng VND	Giảm VND	
a. Vay ngắn hạn	119.489.353.846	277.248.619.192	262.814.070.482	105.054.805.136
- <i>Vay ngân hàng</i>	<i>119.489.353.846</i>	<i>277.248.619.192</i>	<i>262.814.070.482</i>	<i>105.054.805.136</i>
+ Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	67.125.209.846	175.655.621.254	171.333.680.604	62.803.269.196
- Chi nhánh Thanh Hóa ^(a)				
+ Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Bắc Thanh Hóa ^(b)	23.470.000.000	35.496.799.000	54.278.334.940	42.251.535.940
+ Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Lam Sơn ^(c)	28.894.144.000	66.096.198.938	37.202.054.938	-
Cộng	119.489.353.846	277.248.619.192	262.814.070.482	105.054.805.136

Thuyết minh chi tiết các khoản vay:

- ^(a) Khoản vay ngắn hạn Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Thanh Hóa theo hợp đồng cấp hạn mức tín dụng số 3500-LAV-202600704 ngày 24/06/2026, thời hạn cấp tín dụng tối đa 12 tháng đến ngày 24/06/2027, thời hạn vay từng lần từ 3 – 5 tháng. Mục đích vay để bổ sung vốn lưu động phục vụ phương án kinh doanh thương mại tổng hợp với hạn mức tín dụng 100.000.000.000 đồng. Lãi suất trong năm 7,3%-7,5%/năm. Khoản vay được đảm bảo bằng tài sản gắn liền với đất theo Hợp đồng thế chấp số 3500/HS/163/2023 ký ngày 19/10/2023.
- ^(b) Khoản vay ngắn hạn tại Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – Chi nhánh Bắc Thanh Hóa được thực hiện theo Hợp đồng cho vay hạn mức số 300057250/2025/HDCVHM/NHCT424-THANH HOA SONG DA ngày 14/7/2025. Theo hợp đồng, thời hạn cấp tín dụng từ 14/7/2025 đến ngày 14/7/2026 với hạn mức tín dụng 55.000.000.000 đồng. Khoản vay được sử dụng nhằm bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh thương mại. Thời hạn vay từng lần không quá 6 tháng. Lãi suất vay trong năm là 7,8%/năm. Khoản vay được đảm bảo bằng tài sản gắn liền với đất theo Hợp đồng thế chấp số 3500-LAV-20230183 ngày 24/10/2023 và Hợp đồng thế chấp số 300057250/2023-HDCVHM/NHCT424-THANH HOA SONG DA và Hợp đồng bảo đảm phát sinh thêm sau ngày ký kết hợp đồng.
- ^(c) Khoản vay ngắn hạn tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Lam Sơn được thực hiện theo Hợp đồng cho vay hạn mức số 01/2025/27587321/HĐTD ngày 25/11/2025. Theo hợp đồng, thời hạn cấp tín dụng tối đa 12 tháng đến ngày 25/11/2026 với hạn mức tín dụng 40.000.000.000 đồng. Khoản vay được sử dụng nhằm bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh. Thời hạn vay từng lần không quá 6 tháng. Lãi suất vay trong năm là 7,0% - 8,7%/năm. Khoản vay được đảm bảo bằng quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền trên đất số AA03574249, lô 77, MBQH 1334, P. Hạc Thành, tỉnh Thanh Hóa.

CÔNG TY CỔ PHẦN THANH HOA – SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Số 25 Đại lộ Lê Lợi, phường Hạc Thành, tỉnh Thanh Hoá

BÁO CÁO TÀI CHÍNH**Bản thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)****13. Phải trả người bán**

	Số cuối kỳ VND	Số đầu năm VND
a. Phải trả người bán ngắn hạn		
<i>a1. Phải trả người bán ngắn hạn là các bên liên quan</i>	-	-
<i>a2. Phải trả người bán ngắn hạn khác</i>	47.069.556.170	13.652.927.493
- Công ty TNHH Điện lạnh Hòa Phát	42.312.095.964	9.546.156.947
- Công ty Cổ phần Thương mại và Sản xuất Nội thất The One	377.148.110	1.666.744.484
- Phải trả cho người bán ngắn hạn khác	4.380.312.096	2.440.026.062
Cộng	47.069.556.170	13.652.927.493

14. Người mua trả tiền trước

	Số cuối kỳ VND	Số đầu năm VND
a. Người mua trả tiền trước ngắn hạn		
<i>a1. Người mua trả tiền trước ngắn hạn là các bên liên quan</i>	-	-
<i>a2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn khác</i>	248.827.865	117.020.000
- Công ty TNHH Nghệ Hằng Gold	58.190.000	13.580.000
- Công ty TNHH Xây dựng và Thương mại Nhật Linh	50.000.000	-
- Công ty TNHH SX-TM Đông Á	26.210.000	-
- Người mua trả tiền trước ngắn hạn khác	114.427.865	103.440.000
Cộng	248.827.865	117.020.000

15. Phải trả cổ tức, lợi nhuận

	Số cuối kỳ VND	Số đầu năm VND
a. Cổ tức, lợi nhuận phải trả trong hạn		
- Các đối tượng khác	8.392.000	-
b. Cổ tức, lợi nhuận phải trả quá hạn		
- Các đối tượng khác	83.768.175	83.768.175
Cộng	92.160.175	83.768.175

16. Chi phí phải trả

	Số cuối kỳ VND	Số đầu năm VND
a. Ngắn hạn		
Lãi vay dự trả	73.847.258	-
Các khoản trích trước khác	58.703.704	-
Cộng	132.550.962	-

CÔNG TY CỔ PHẦN THANH HOA – SÔNG ĐÀ
Địa chỉ: Số 25 Đại lộ Lê Lợi, phường Hạc Thành, tỉnh Thanh Hoá
BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Bản thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

17. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước

	Số đầu năm		Số phải nộp trong kỳ	Số đã nộp trong kỳ	Số cuối kỳ	
	Phải thu VND	Phải nộp VND			Phải thu VND	Phải nộp VND
a. Ngắn hạn	7.047.975	411.998.821	1.684.978.122	1.597.978.776	7.047.975	498.998.167
- Thuế GTGT đầu ra	7.047.975	-	-	-	7.047.975	-
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	411.998.821	498.287.627	468.065.115	-	442.221.333
- Thuế thu nhập cá nhân	-	-	128.092.741	113.841.419	-	14.251.322
- Thuế nhà đất, tiền thuế đất	-	-	1.058.597.754	1.016.072.242	-	42.525.512
Cộng	7.047.975	411.998.821	1.684.978.122	1.597.978.776	7.047.975	498.998.167

CÔNG TY CỔ PHẦN THANH HOA – SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Số 25 Đại lộ Lê Lợi, phường Hạc Thành, tỉnh Thanh Hoá

BÁO CÁO TÀI CHÍNH**Bản thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)****18. Phải trả khác**

	Số cuối kỳ VND	Số đầu năm VND
a. Ngắn hạn		
Kinh phí công đoàn	73.080.000	-
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	210.448.133	210.448.133
Các khoản phải trả, phải nộp khác	-	5.190.372
Cộng	283.528.133	215.638.505
b. Dài hạn	Số cuối kỳ VND	Số đầu năm VND
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	636.684.000	636.684.000
Cộng	636.684.000	636.684.000

19. Doanh thu chờ phân bổ

	Số cuối kỳ VND	Số đầu năm VND
a. Ngắn hạn		
Doanh thu nhận trước về cho thuê mặt bằng	40.000.000	15.000.000
Doanh thu nhận trước khách hàng trung tâm Soda	175.813.261	262.012.518
Cộng	215.813.261	277.012.518

20. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả**a) Tài sản thuế thu nhập hoãn lại**

	Số cuối kỳ VND	Số đầu năm VND
Thuế suất thuế TNDN sử dụng để xác định giá trị tài sản thuế thu nhập hoãn lại	20%	20%
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ	708.544.396	334.151.630
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	708.544.396	334.151.630

CÔNG TY CỔ PHẦN THANH HOA – SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Số 25 Đại lộ Lê Lợi, phường Hạc Thành, tỉnh Thanh Hoá

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Bản thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

21. Vốn chủ sở hữu

a Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu VND	Cổ phiếu mua lại của chính mình VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Tổng cộng VND
Số dư đầu năm trước	30.000.000.000	(2.162.020.000)	10.383.133.674	1.088.709.298	39.309.822.972
Lãi/(Lỗ) trong năm trước	-	-	-	508.842.048	508.842.048
Tăng, giảm khác	-	-	(1.071.290.702)	1.071.290.702	-
Phân phối lợi nhuận năm trước	-	-	-	(2.160.000.000)	(2.160.000.000)
Số dư cuối năm trước	30.000.000.000	(2.162.020.000)	9.311.842.972	508.842.048	37.658.665.020
Số dư đầu năm nay	-	-	-	485.791.864	485.791.864
Lãi/(Lỗ) trong kỳ	-	-	(1.651.157.952)	1.651.157.952	-
Tăng, giảm khác (*)	-	-	-	(2.160.000.000)	(2.160.000.000)
Phân phối lợi nhuận (*)	-	-	-	-	-
Số dư cuối kỳ này	30.000.000.000	(2.162.020.000)	7.660.685.020	485.791.864	35.984.456.884

(*) Theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông số 01/2026/THS/NQ-DHDCD ngày 09 tháng 4 năm 2026, Công ty thực hiện phân phối lợi nhuận năm 2025 như sau :

	Số tiền VND
Lợi nhuận năm 2025 để chia cổ tức	508.842.048
Bổ sung quỹ đầu tư phát triển để chia cổ tức	1.651.157.952
Tổng phân phối lợi nhuận	2.160.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN THANH HOA – SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Số 25 Đại lộ Lê Lợi, phường Hạc Thành, tỉnh Thanh Hoá

BÁO CÁO TÀI CHÍNH**Bản thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)****b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

	Số cuối kỳ VND	%	Số đầu năm VND	%
Vốn góp của các đối tượng khác				
- Ông Lê Anh Tuấn	21.323.640.000	71	21.323.640.000	71
- Ông Nguyễn Xuân Bắc	1.404.840.000	5	1.404.840.000	5
- Bà Nguyễn Thị Hương	2.920.000.000	10	2.920.000.000	10
- Các đối tượng khác	1.351.520.000	4	1.351.520.000	4
- Cổ phiếu mua lại của chính mình	3.000.000.000	10	3.000.000.000	10
Cộng	30.000.000.000	100	30.000.000.000	100

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Từ 01/01/2026 Đến 30/6/2026 VND	Từ 01/01/2025 Đến 30/6/2025 VND
Vốn góp của chủ sở hữu		
- Vốn góp đầu năm	30.000.000.000	30.000.000.000
- Vốn góp tăng trong kỳ	-	-
- Vốn góp giảm trong kỳ	-	-
- Vốn góp cuối kỳ	30.000.000.000	30.000.000.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	2.160.000.000	2.160.000.000

d) Cổ phiếu

	Từ 01/01/2026 đến 30/6/2026 Cổ phiếu	Từ 01/01/2025 đến 30/6/2025 Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	-	-
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	3.000.000	3.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	3.000.000	3.000.000
Số lượng cổ phiếu được mua lại	300.000	300.000
- Cổ phiếu phổ thông	300.000	300.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	2.700.000	2.700.000
- Cổ phiếu phổ thông	2.700.000	2.700.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/cổ phiếu		

22. Các khoản mục ngoài báo cáo tình hình tài chính**a. Nợ phải thu của khoản mua bán nợ**

	Số cuối kỳ VND	Số đầu năm VND
- Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Phát triển Hạ tầng Phúc Thành	32.108.168.869	32.108.168.869

b. Nợ khó đòi đã xử lý

	Số cuối kỳ VND	Số đầu năm VND
- Nợ khó đòi đã xử lý	1.557.487.768	1.557.487.768

CÔNG TY CỔ PHẦN THANH HOA – SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Số 25 Đại lộ Lê Lợi, phường Hạc Thành, tỉnh Thanh Hoá

BÁO CÁO TÀI CHÍNH**Bản thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)****VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH****1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Từ 01/01/2026 đến 30/6/2026	Từ 01/01/2025 đến 30/6/2025
	VND	VND
Doanh thu bán hàng	294.191.782.367	194.888.558.732
Doanh thu cung cấp dịch vụ	1.160.458.642	58.307.855
Doanh thu cho thuê tài sản	3.959.899.996	3.336.065.450
Cộng	299.312.141.005	198.282.932.037

Doanh thu với các bên liên quan trình bày tại Thuyết minh VIII.2**2. Các khoản giảm trừ doanh thu**

	Từ 01/01/2026 đến 30/6/2026	Từ 01/01/2025 đến 30/6/2025
	VND	VND
Chiết khấu thương mại	1.360.675	635.873
Cộng	1.360.675	635.873

3. Giá vốn hàng bán

	Từ 01/01/2026 đến 30/6/2026	Từ 01/01/2025 đến 30/6/2025
	VND	VND
Giá vốn của hàng hóa đã bán	283.266.130.080	186.821.860.540
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	525.270.738	128.177.633
Chi phí kinh doanh Bất động sản đầu tư	1.802.772.993	1.830.613.066
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	1.967.668.240	397.813.383
Cộng	287.561.842.051	189.178.464.622

4. Doanh thu hoạt động tài chính

	Từ 01/01/2026 đến 30/6/2026	Từ 01/01/2025 đến 30/6/2025
	VND	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	112.312.962	3.598.951
Lãi bán hàng trả chậm, chiết khấu thanh toán	880.908.249	667.397.136
Cộng	993.221.211	670.996.087

5. Chi phí tài chính

	Từ 01/01/2026 đến 30/6/2026	Từ 01/01/2025 đến 30/6/2025
	VND	VND
Lãi tiền vay	3.928.910.119	1.940.537.818
Cộng	3.928.910.119	1.940.537.818

CÔNG TY CỔ PHẦN THANH HOA – SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Số 25 Đại lộ Lê Lợi, phường Hạc Thành, tỉnh Thanh Hoá

BÁO CÁO TÀI CHÍNH**Bản thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)****6. Thu nhập khác**

	Từ 01/01/2026 đến 30/6/2026 VND	Từ 01/01/2025 đến 30/6/2025 VND
Tiền điện, nước cho thuê mặt bằng	640.711.770	495.180.635
Hàng khuyến mại, hỗ trợ bán hàng nhận được	181.012.001	325.785.018
Xử lý công nợ	5.108.248	3.195.537
Cộng	826.832.019	824.161.190

7. Chi phí khác

	Từ 01/01/2026 đến 30/6/2026 VND	Từ 01/01/2025 đến 30/6/2025 VND
Tiền điện, nước	647.142.808	495.178.628
Các khoản bị phạt	7.562.540	10.417.368
Các khoản khác	2.225.040	718.642
Cộng	656.930.388	506.314.638

8. Chi phí bán hàng

	Từ 01/01/2026 đến 30/6/2026 VND	Từ 01/01/2025 đến 30/6/2025 VND
Chi phí nhân viên bán hàng	3.090.227.939	2.426.447.463
Chi phí đồ dùng văn phòng	203.091.594	265.646.497
Chi phí khấu hao TSCĐ	601.249.323	645.657.388
Chi phí dịch vụ mua ngoài	812.450.460	832.377.219
Các khoản chi phí khác	362.231.333	612.304.352
Cộng	5.069.250.649	4.782.432.919

9. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Từ 01/01/2026 đến 30/6/2026 VND	Từ 01/01/2025 đến 30/6/2025 VND
Chi phí nhân viên quản lý	1.547.566.994	1.575.219.256
Chi phí đồ dùng văn phòng	43.441.013	48.321.390
Chi phí khấu hao TSCĐ	1.079.057.268	636.554.520
Thuế, phí và lệ phí	96.357.556	91.119.098
Chi phí dự phòng	15.825.000	2.021.926
Chi phí dịch vụ mua ngoài	45.872.079	111.046.658
Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp khác	476.093.718	341.521.947
Cộng	3.304.213.628	2.805.804.795

CÔNG TY CỔ PHẦN THANH HOA – SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Số 25 Đại lộ Lê Lợi, phường Hạc Thành, tỉnh Thanh Hoá

BÁO CÁO TÀI CHÍNH**Bản thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)****10. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp được xác định với thuế suất là 20% trên thu nhập chịu thuế.

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

Bảng ước tính mức thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành của doanh nghiệp được trình bày dưới đây:

	Từ 01/01/2026 đến 30/6/2026 VND	Từ 01/01/2025 đến 30/6/2025 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	609.686.725	563.898.649
Các khoản điều chỉnh tăng	1.881.751.410	11.136.010
<i>Phạt vi phạm hành chính, phạt chậm nộp thuế</i>	<i>7.562.540</i>	<i>10.417.368</i>
<i>Lãi vay không được trừ</i>	<i>1.871.963.830</i>	-
<i>Các khoản chi phí khác</i>	<i>2.225.040</i>	<i>718.642</i>
Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
Thu nhập tính thuế TNDN	2.491.438.135	575.034.659
Thuế suất thuế TNDN	20%	20%
Thuế TNDN	498.287.627	115.006.932
Chi phí thuế thu nhập hiện hành	498.287.627	115.006.932

11. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

	Từ 01/01/2026 đến 30/6/2026 VND	Từ 01/01/2025 đến 30/6/2025 VND
Chi phí thuế TNDN hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời phải chịu thuế	(374.392.766)	-
Tổng chi phí thuế TNDN hoãn lại	(374.392.766)	-

12. Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu

	Từ 01/01/2026 đến 30/6/2026 VND	Từ 01/01/2025 đến 30/6/2025 VND
- Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN của cổ đông	485.791.864	448.891.717
- Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu CP phổ thông	-	-
- Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	485.791.864	448.891.717
- Số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (*)	-	-
- Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	2.700.000	2.700.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	180	166

(*) Theo kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2025 đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua, Công ty không trích quỹ khen thưởng, phúc lợi.

CÔNG TY CỔ PHẦN THANH HOA – SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Số 25 Đại lộ Lê Lợi, phường Hạc Thành, tỉnh Thanh Hoá

BÁO CÁO TÀI CHÍNH**Bản thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)****13. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố**

	Từ 01/01/2026 đến 30/6/2026 VND	Từ 01/01/2025 đến 30/6/2025 VND
Chi phí nhân công	5.027.258.833	4.047.611.719
Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.225.728.839	1.621.365.979
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.081.346.594	943.423.877
Chi phí khác bằng tiền	2.592.445.950	2.932.604.912
Chi phí dự phòng	1.983.493.240	2.021.926
Cộng	12.910.273.456	9.547.028.413

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**1. Thông tin sự kiện sau niên độ**

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày lập Báo cáo soát xét đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo soát xét.

2. Thông tin về các bên liên quan***Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan***

Các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc, kế toán trưởng và các thành viên mật thiết trong gia đình các cá nhân này.

Các cá nhân có liên quan với Công ty gồm:

Các cá nhân liên quan

Ông Lê Anh Tuấn
Bà Vũ Thị Lý
Ông Văn Đình Dũng
Ông Phạm Văn Lợi
Ông Nguyễn Văn Minh
Bà Hoàng Thị An
Ông Lê Trần Nghĩa

Mối quan hệ

Chủ tịch HĐQT
Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc
Thành viên HĐQT
Phó Tổng Giám đốc
Phó Tổng Giám đốc
Kế toán trưởng
Em rể ông Lê Anh Tuấn

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan như sau:

	Từ 01/01/2026 đến 30/6/2026 VND	Từ 01/01/2025 đến 30/6/2025 VND
Ông Lê Trần Nghĩa		
Mua Cổ phiếu của Công ty Cổ phần Vinatom	-	35.100.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN THANH HOA – SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Số 25 Đại lộ Lê Lợi, phường Hạc Thành, tỉnh Thanh Hoá

BÁO CÁO TÀI CHÍNH**Bản thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**

Chi tiết thu nhập các thành viên quản lý chủ chốt từ 01/01/2026 đến 30/6/2026:

Họ và tên	Chức vụ	Tiền lương, thưởng VND	Thù lao VND	Tổng thu nhập VND
Ông Lê Anh Tuấn	Chủ tịch HĐQT	-	18.000.000	18.000.000
Bà Vũ Thị Lý	Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc	162.810.000	12.000.000	174.810.000
Ông Văn Đình Dũng	Thành viên HĐQT	-	12.000.000	12.000.000
Ông Phạm Văn Lợi	Phó Tổng Giám đốc	142.440.000	-	142.440.000
Ông Nguyễn Văn Minh	Phó Tổng Giám đốc	-	12.000.000	12.000.000
Bà Hoàng Thị An	Kế toán trưởng	111.420.000	-	111.420.000
Bà Cao Thị Hiền	Trưởng BKS	82.310.000	18.000.000	100.310.000
Bà Lê Thị Phương	Thành viên BKS	44.330.000	12.000.000	56.330.000
Ông Nguyễn Quang Long	Thành viên BKS	-	12.000.000	12.000.000
Cộng		543.310.000	96.000.000	639.310.000

Chi tiết thu nhập các thành viên quản lý chủ chốt từ 01/01/2025 đến 30/6/2025:

Họ và tên	Chức vụ	Tiền lương, thưởng VND	Thù lao VND	Tổng thu nhập VND
Ông Lê Anh Tuấn	Chủ tịch HĐQT	-	18.000.000	18.000.000
Bà Vũ Thị Lý	Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc	138.125.000	12.000.000	150.125.000
Ông Vũ Mạnh Đoàn	Thành viên HĐQT	-	10.000.000	10.000.000
Ông Phạm Văn Lợi	Phó Tổng Giám đốc	128.760.000	-	128.760.000
Bà Hoàng Thị An	Kế toán trưởng	58.460.000	-	58.460.000
Bà Cao Thị Hiền	Trưởng BKS	103.300.000	18.000.000	121.300.000
Bà Lê Thị Phương	Thành viên BKS	90.406.240	12.000.000	102.406.240
Ông Nguyễn Quang Long	Thành viên BKS	-	12.000.000	12.000.000
Cộng		519.051.240	82.000.000	601.051.240

Giao dịch với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Công ty bao gồm: các công ty liên kết, cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát, các cá nhân có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp biểu quyết ở Công ty và các thành viên mật thiết trong gia đình của họ, các doanh nghiệp do các nhân viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp biểu quyết của Công ty và các thành viên mật thiết trong gia đình của họ.

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

Bên liên quan

Công ty Cổ phần Xây dựng Công trình và Thương mại Thanh Hóa

Công ty TNHH Cơ - nhiệt - điện Thành Nam

Công ty Cổ phần Vinatom

Mối quan hệ

Ông Lê Anh Tuấn - Chủ tịch HĐQT là Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Xây dựng Công trình và Thương mại Thanh Hóa

Ông Lê Anh Tuấn - Chủ tịch HĐQT là cổ đông góp vốn tại Công ty TNHH Cơ - nhiệt - điện Thành Nam

Bà Vũ Thị Lý – Tổng Giám đốc là Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Vinatom

CÔNG TY CỔ PHẦN THANH HOA – SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Số 25 Đại lộ Lê Lợi, phường Hạc Thành, tỉnh Thanh Hoá

BÁO CÁO TÀI CHÍNH**Bản thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**

Các nghiệp vụ phát sinh trong kỳ giữa Công ty với các bên liên quan khác như sau:

	Từ 01/01/2026 đến 30/6/2026	Từ 01/01/2025 đến 30/6/2025
	VND	VND
Bán hàng hóa	4.972.987.964	31.063.554
- Công ty Cổ phần Xây dựng Công trình và Thương mại Thanh Hóa	4.891.876.853	14.783.335
- Công ty TNHH Cơ - nhiệt - điện Thành Nam	81.111.111	16.280.219
Cung cấp dịch vụ	240.000.000	7.449.604
- Công ty Cổ phần Xây dựng Công trình và Thương mại Thanh Hóa	240.000.000	7.449.604
Mua hàng hóa và sử dụng dịch vụ	21.489.566.367	14.902.762.003
- Công ty Cổ phần Xây dựng Công trình và Thương mại Thanh Hóa	21.489.566.367	14.902.762.003
Mua tài sản	-	6.885.812.037
- Công ty TNHH Cơ - nhiệt - điện Thành Nam	-	6.885.812.037
Cho vay	35.000.000.000	-
- Công ty TNHH Cơ - Nhiệt - Điện Thành Nam	30.000.000.000	-
- Công ty Cổ phần Vinatom	5.000.000.000	-

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, số dư công nợ với các bên liên quan khác như sau:

	Số cuối kỳ VND	Số đầu năm VND
Phải thu khách hàng ngắn hạn	-	545.060.000
- Công ty Cổ phần Xây dựng Công trình và Thương mại Thanh Hóa	-	545.060.000
Trả trước cho người bán ngắn hạn	3.609.756.055	1.913.281.998
- Công ty TNHH Cơ - nhiệt - điện Thành Nam	3.609.756.055	1.400.000.000
- Công ty Cổ phần Xây dựng Công trình và Thương mại Thanh Hóa	-	513.281.998
Cộng nợ phải thu	3.609.756.055	2.458.341.998

3. Thông tin về bộ phận

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh. Báo cáo bộ phận thứ yếu theo khu vực địa lý.

Lĩnh vực kinh doanh:

Công ty có các lĩnh vực kinh doanh chính sau:

- Lĩnh vực thương mại;
- Lĩnh vực kinh doanh Bất động sản;
- Lĩnh vực cung cấp dịch vụ.

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN THANH HOA – SÔNG ĐÀ
Địa chỉ: Số 25 Đại lộ Lê Lợi, phường Hạc Thành, tỉnh Thanh Hoá
BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Bản thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

	Thương mại VND	Dịch vụ VND	Kinh doanh Bất động Sản VND	Cộng VND
Từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/6/2026				
Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	294.190.421.692	1.160.458.642	3.959.899.996	299.310.780.330
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	294.190.421.692	1.160.458.642	3.959.899.996	299.310.780.330
Chi phí bộ phận	285.233.798.320	525.270.738	1.802.772.993	287.561.842.051
Lãi gộp kinh doanh theo bộ phận	8.956.623.372	635.187.904	2.157.127.003	11.748.938.279
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận				(8.373.464.277)
Doanh thu hoạt động tài chính				993.221.211
Chi phí tài chính				(3.928.910.119)
Thu nhập khác				826.832.019
Chi phí khác				(656.930.388)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành				(498.287.627)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại				374.392.766
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	-	-	284.320.529	485.791.864
Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	-	-	284.320.529	284.320.529
Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	1.310.599.691	447.887.769	1.583.823.170	3.342.310.630
Số dư cuối kỳ				
Tài sản trực tiếp của bộ phận	107.500.389.199	2.302.802.840	15.723.958.363	125.527.150.402
Tài sản không phân bổ				79.902.011.954
Tổng tài sản	107.500.389.199	2.302.802.840	15.723.958.363	205.429.162.356
Nợ phải trả bộ phận	168.592.208.211	175.813.261	676.684.000	169.444.705.472
Nợ phải trả không phân bổ				-
Tổng nợ phải trả	168.592.208.211	175.813.261	676.684.000	169.444.705.472

CÔNG TY CỔ PHẦN THANH HOA – SÔNG ĐÀ
Địa chỉ: Số 25 Đại lộ Lê Lợi, phường Hạc Thành, tỉnh Thanh Hoá
BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Bản thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

	Thương mại VND	Dịch vụ VND	Kinh doanh Bất động Sản VND	Cộng VND
Từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/6/2026				
Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	294.190.421.692	1.160.458.642	3.959.899.996	299.310.780.330
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	294.190.421.692	1.160.458.642	3.959.899.996	299.310.780.330
Chi phí bộ phận	285.233.798.320	525.270.738	1.802.772.993	287.561.842.051
Lãi gộp kinh doanh theo bộ phận	8.956.623.372	635.187.904	2.157.127.003	11.748.938.279
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận				(8.373.464.277)
Doanh thu hoạt động tài chính				993.221.211
Chi phí tài chính				(3.928.910.119)
Thu nhập khác				826.832.019
Chi phí khác				(656.930.388)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành				(498.287.627)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại				374.392.766
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	-	-	284.320.529	485.791.864
Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	-	-	1.583.823.170	284.320.529
Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	1.310.599.691	447.887.769	1.583.823.170	3.342.310.630
Số dư cuối kỳ				
Tài sản trực tiếp của bộ phận	107.500.389.199	2.302.802.840	15.723.958.363	125.527.150.402
Tài sản không phân bổ				79.902.011.954
Tổng tài sản	107.500.389.199	2.302.802.840	15.723.958.363	205.429.162.356
Nợ phải trả bộ phận	168.592.208.211	175.813.261	676.684.000	169.444.705.472
Nợ phải trả không phân bổ				-
Tổng nợ phải trả	168.592.208.211	175.813.261	676.684.000	169.444.705.472

CÔNG TY CỔ PHẦN THANH HOA – SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Số 25 Đại lộ Lê Lợi, phường Hạc Thành, tỉnh Thanh Hoá

BÁO CÁO TÀI CHÍNH**Bản thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)****4. Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính**

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị sổ sách VND	Dự phòng VND	Giá trị sổ sách VND	Dự phòng VND
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	1.224.061.269	-	3.644.631.867	-
Phải thu khách hàng và phải thu khác	17.819.412.613	(521.147.452)	10.879.352.632	(505.322.452)
Đầu tư tài chính ngắn hạn	78.677.950.685	-	43.650.000.000	-
Cộng	97.721.424.567	(521.147.452)	58.173.984.499	(505.322.452)

	Giá trị sổ sách	
	Số cuối kỳ VND	Số đầu năm VND
Nợ phải trả tài chính		
Phải trả cho người bán	47.069.556.170	13.652.927.493
Vay và nợ	119.489.353.846	105.054.805.136
Chi phí phải trả	132.550.962	-
Các khoản phải trả khác	92.160.175	88.958.547
Cộng	166.783.621.153	118.796.691.176

Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính tại ngày kết thúc năm tài chính do thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 06/11/2009 cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính. Thông tư 210/2009/TT-BTC yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính riêng và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng chưa đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả việc áp dụng giá trị hợp lý nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

5. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà đối tác sẽ không thực hiện các nghĩa vụ của mình theo quy định của một công cụ tài chính hoặc hợp đồng khách hàng, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh của mình (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và từ hoạt động tài chính của mình bao gồm cả tiền gửi ngân hàng và các công cụ tài chính khác.

Phải thu khách hàng: Việc quản lý rủi ro tín dụng khách hàng của Công ty dựa trên các chính sách, thủ tục và quy trình kiểm soát của Công ty có liên quan đến việc quản lý rủi ro tín dụng khách hàng.

Các khoản phải thu khách hàng chưa trả thường xuyên được theo dõi. Các phân tích về khả năng lập dự phòng được thực hiện tại ngày lập báo cáo trên cơ sở từng khách hàng đối với các khách hàng lớn. Trên cơ sở này, Công ty không có rủi ro tập trung về tín dụng.

Tiền gửi ngân hàng: Phần lớn tiền gửi ngân hàng của Công ty được gửi tại các ngân hàng lớn có uy tín ở Việt Nam. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

CÔNG TY CỔ PHẦN THANH HOA – SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Số 25 Đại lộ Lê Lợi, phường Hạc Thành, tỉnh Thanh Hoá

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Bản thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Các khoản cho vay: Công ty cho các công ty là bên liên quan vay tiền. Công ty đánh giá các khoản cho vay này đều trong hạn và không bị suy giảm vì liên quan đến các đơn vị có uy tín và có khả năng thanh toán tốt.

6. Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn trong việc đáp ứng các nghĩa vụ tài chính do tình trạng thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty phát sinh chủ yếu do không tương xứng trong các kỳ hạn của tài sản tài chính và các khoản phải trả tài chính.

Công ty giám sát rủi ro thanh khoản bằng việc duy trì tỷ lệ tiền mặt và các khoản tương đương tiền ở mức mà Ban Tổng Giám đốc cho là đủ để hỗ trợ tài chính cho các hoạt động kinh doanh của Công ty và để giảm thiểu ảnh hưởng của những thay đổi các luồng tiền.

Thông tin thời hạn đáo hạn của nợ phải trả tài chính của Công ty dựa trên các giá trị thanh toán chưa chiết khấu theo hợp đồng như sau:

	Từ 01 năm trở xuống VND	Từ 01 năm đến 05 năm VND	Cộng VND
Số cuối kỳ			
Phải trả cho người bán	47.069.556.170	-	47.069.556.170
Vay và nợ	119.489.353.846	-	119.489.353.846
Chi phí phải trả	132.550.962	-	132.550.962
Các khoản phải trả khác	92.160.175	-	92.160.175
Số đầu năm			
Phải trả cho người bán	13.652.927.493	-	13.652.927.493
Vay và nợ	105.054.805.136	-	105.054.805.136
Chi phí phải trả	-	-	-
Các khoản phải trả khác	88.958.547	-	88.958.547

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

7. Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm 3 loại: Rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá khác.

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

Công ty quản lý rủi ro ngoại tệ bằng cách xem xét thị trường hiện hành và dự kiến khi Công ty lập kế hoạch cho các giao dịch trong tương lai bằng ngoại tệ. Công ty giám sát các rủi ro đối với các tài sản và nợ phải trả tài chính bằng ngoại tệ.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động do thay đổi lãi suất thị trường. Rủi ro về thay đổi lãi suất thị trường của Công ty chủ yếu liên quan đến các khoản tiền gửi ngắn hạn, các khoản vay.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách theo dõi chặt chẽ tình hình thị trường có liên quan để xác định chính sách lãi suất hợp lý có lợi cho các mục đích quản lý giới hạn rủi ro của Công ty.

Công ty không thực hiện phân tích độ nhạy đối với lãi suất vì rủi ro do thay đổi lãi suất tại ngày lập báo cáo là không đáng kể hoặc nợ phải trả tài chính có lãi suất cố định.

CÔNG TY CỔ PHẦN THANH HOA – SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Số 25 Đại lộ Lê Lợi, phường Hạc Thành, tỉnh Thanh Hoá

BÁO CÁO TÀI CHÍNH**Bản thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)****Rủi ro về giá khác**

Rủi ro về giá khác là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường ngoài thay đổi của lãi suất và tỷ giá hối đoái.

8. Số liệu so sánh

Số liệu so sánh trên Báo cáo tình hình tài chính giữa niên độ là số liệu trên Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2025 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán NVA – Chi nhánh phía Bắc. Số liệu so sánh trên Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh giữa niên độ và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ là số liệu trên Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc tại ngày 30/6/2025 đã được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán NVA – Chi nhánh phía Bắc. Như đã trình bày trong Thuyết minh I.06, kể từ ngày 01/01/2026, Công ty áp dụng Thông tư số 99/2025/TT-BTC. Do việc thay đổi chính sách kế toán này, việc trình bày một số khoản mục báo cáo tài chính có thay đổi. Một số chỉ tiêu so sánh tại ngày 01/01/2026 được phân loại lại để phù hợp với quy định tại Thông tư 99 về trình bày báo cáo tài chính. Cụ thể như sau:

(a) Báo cáo tình hình tài chính (Bảng cân đối kế toán):

Chỉ tiêu	Mã số	Tại 01/01/2026 VND (phân loại lại)	Tại 31/12/2025 VND (theo báo cáo trước đây)
Phải trả cổ tức, lợi nhuận	313	83.768.175	-
Phải trả ngắn hạn khác	320	215.638.505	299.406.680

(b) Báo cáo lưu chuyển tiền tệ

Chỉ tiêu	Mã số	Kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2025 VND (phân loại lại)	30/6/2025 VND (theo báo cáo trước đây)
Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư, tài chính	05	-	(3.598.951)
Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13	(35.100.000.000)	-
Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	-	(35.100.000.000)
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	-	3.598.951

9. Thông tin về hoạt động liên tục

Trong kỳ không có hoạt động hoặc sự kiện phát sinh nào có ảnh hưởng đáng kể đến khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Vì vậy, Báo cáo tài chính của Công ty được lập trên cơ sở giả định Công ty sẽ hoạt động liên tục.

Người lập biểu**Kế toán trưởng****Tổng Giám đốc**

Hoàng Thị Tâm

Hoàng Thị An

Vũ Thị Lý

Thanh Hóa, ngày 14 tháng 8 năm 2026